

CƠ CẤU LẠI CÁC NGÀNH DỊCH VỤ DỰA TRÊN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

THE STRUCTURING OF SERVICE SECTORS BASED ON SCIENCE, TECHNOLOGY AND INNOVATION OF DANANG CITY

Bùi Quang Bình*

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng¹

*Tác giả liên hệ: binhbq@due.edu.vn

(Nhận bài: 12/9/2022; Chấp nhận đăng: 09/12/2022)

Tóm tắt - Nghiên cứu này tập trung xem xét thực tiễn cơ cấu lại các ngành dịch vụ trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số và đổi mới sáng tạo của thành phố Đà Nẵng. Nghiên cứu được thực hiện trên nền tảng lý luận về chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế mà nền tảng là lý thuyết về tăng trưởng kinh tế, sử dụng phương pháp phân tích thống kê, so sánh, diễn dịch và tổng hợp ... với số liệu thứ cấp của thành phố. Kết quả cho thấy, đã tạo ra cơ cấu các ngành dịch vụ hiện đại, công nghệ cao, sáng tạo và bền vững, đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế thành phố, tạo nền tảng và động lực cho sự phát triển kinh tế nhất là chuyển đổi số và tạo ra sự khác biệt với các địa phương trong Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung, tạo vị thế đề liên kết vùng. Tuy nhiên, việc cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên công nghệ hiện đại, công nghệ số và đổi mới sáng tạo vẫn còn khá nhiều dư địa chưa phát huy.

Từ khóa - Cơ cấu lại; ngành dịch vụ; khoa học công nghệ; đổi mới sáng tạo; Ngành dịch vụ Đà Nẵng.

Abstract - The study focuses on examining the restructuring reality of service industries based on the basis of modern technology, digital technology and innovation in Danang city. The theoretical basis of the study is the structural transformation of economic sectors, which is based on the theoretical foundation of economic growth. The research uses the statistical analysis, comparison, interpretation and synthesis methods... with secondary data sources. The results show that, the city has created a structure of modern, high-tech, creative and sustainable service industry; Innovated the information technology; created the foundation and driving force for the economic development, especially digital transformation and a difference among localities in the central key economic region, as well as a position to link the region. However, the restructuring of service industry based on modern technology, digital technology and innovation still has a lot of untapped resources

Key words - Restructuring; service industry; science and technology; innovation; Danang service industry.

1. Đặt vấn đề

Mỗi nền kinh tế dựa trên một cơ cấu hay cấu trúc kinh tế luôn thay đổi do nhiều yếu tố của thị trường và nhà nước. Quá trình công nghiệp hóa (CNH) và hiện đại hóa (HĐH) thúc đẩy tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Chính tiến bộ khoa học công nghệ đã tạo ra các điều kiện thúc đẩy thay đổi cơ cấu kinh tế hay cơ cấu lại nền kinh tế. Trong 25 năm qua, Đà Nẵng đã trở thành nền kinh tế đô thị khá phát triển ở Việt Nam. Quá trình chuyển mình phát triển này gắn liền với cơ cấu lại kinh tế nhất là ngành dịch vụ, khi ngành này đã chiếm 2/3 GRDP. Nhưng những thành tựu từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và đại dịch Covid-19 cũng đặt ra những câu hỏi và thách thức cho giai đoạn phát triển hướng đến 2050 của nền kinh tế này. Đà Nẵng đã sớm nhận thức và đã chủ động đặt ra nhiệm vụ phải cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng trong đó trọng tâm với ngành dịch vụ. Những bước đi ban đầu thực hiện cơ cấu lại ngành dịch vụ dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã có những thành quả nhất định dù còn nhiều thách thức. Bài viết này tập trung đánh giá quá trình thực tiễn cơ cấu lại và định hướng phát triển ngành dịch vụ của thành phố tới năm 2030 và tầm nhìn tới năm 2050.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Nền tảng lý thuyết về tái cơ cấu kinh tế chính là các lý thuyết về mô hình tăng trưởng kinh tế như Cổ điển, Tân cổ điển, nội sinh và hiện đại. Các lý thuyết này có điểm chung

chỉ ra cách thức tạo ra sản lượng nhờ thay đổi cơ cấu nền kinh tế, đặc biệt là về phía tổng cung. Lý thuyết tăng trưởng kinh tế nội sinh một mặt đã chỉ ra cơ chế phân bổ nguồn lực gắn với tiến bộ khoa học và công nghệ nhờ phát huy tính chất nội sinh của các yếu tố đầu vào. Cơ chế phân bổ này sẽ hướng nguồn lực tới những ngành và lĩnh vực mà ở đó năng suất và hiệu quả nguồn lực tăng lên theo hiệu ứng quy mô tăng dần. Mặt khác, tiến bộ công nghệ cũng tạo ra cú sốc với cả tổng cung và tổng cầu kéo theo nhu cầu ngày càng cao của xã hội cả về số lượng và chất lượng sản phẩm. Chất lượng hàng hóa dịch vụ chỉ có thể đạt được nhờ trình độ khoa học, công nghệ cao và đổi mới sáng tạo cao trong sản xuất, vì vậy những ngành sản xuất mà sản phẩm cao cấp luôn có nhu cầu áp dụng và nâng cao trình độ công nghệ sản xuất. Chính sự thay đổi cơ cấu tiêu dùng và sản xuất đã thúc đẩy tiến bộ khoa học, ứng dụng công nghệ cao và đổi mới sáng tạo. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với Quy luật tiêu dùng của E. Engel [1] và quy luật tăng năng suất lao động của Fisher. R. A [2].

Chủ đề này được quan tâm nhiều vì vậy có khá nhiều các công trình thực nghiệm được tiến hành và chúng dựa trên nền tảng lý luận trên. Theo cách tiếp cận hệ thống, cơ cấu ngành kinh tế là tổng thể những mối quan hệ về số lượng và chất lượng giữa các ngành trong tổng thể kinh tế, thể hiện mối quan hệ hữu cơ và sự tác động qua lại cả về số và chất lượng giữa các ngành với nhau [3]. Khi cơ cấu kinh tế có sự thay đổi theo thời gian tức có sự thay đổi trạng thái của cấu trúc kinh tế. Do vậy, chuyển dịch cơ cấu ngành

¹ The University of Danang - University of Economics (Bui Quang Binh)

kinh tế hay cơ cấu lại các ngành kinh tế là sự thay đổi của cơ cấu này theo thời gian từ trạng thái và trình độ này tới một trạng thái và trình độ khác phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội và các điều kiện vốn có nhưng không lặp lại trạng thái cũ [4]. Theo Nguyễn Thị Tuệ Anh [5], cơ cấu lại các ngành kinh tế là quá trình điều chỉnh lại các ngành của nền kinh tế với quy mô hợp lý hơn và có tỷ lệ tăng nhanh hơn để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Cùng với đó, cơ cấu lại nền kinh tế là quá trình phân bổ lại nguồn lực (trước hết là vốn đầu tư) trên phạm vi quốc gia nhằm cải thiện và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực nói riêng. Tiến bộ khoa học, công nghệ cao và đổi mới sáng tạo luôn rất quan trọng thay đổi và thúc đẩy cơ cấu lại kinh tế. Tiến bộ khoa học, công nghệ cao và đổi mới sáng tạo mạnh mẽ như thành tựu kinh tế số tạo ra cú sốc cung và cầu tới nền kinh tế [6], vừa tạo ra cầu với các sản phẩm số, vừa tạo nguồn cung tư bản số cho sản xuất. Để thích ứng với cú sốc này cơ cấu ngành nhiều nền kinh tế có sự điều chỉnh và cơ cấu lại.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Cách tiếp cận: Nghiên cứu có đối tượng khá rộng và đặc thù nên nhóm tác giả sẽ tiếp cận theo: (i) Hệ thống khi coi ngành này như tổng thể các ngành dịch vụ luôn có mối quan hệ với nhau và toàn nền kinh tế; (ii) Kinh tế phát triển khi xem xét cơ cấu lại các ngành dịch vụ gắn với cơ chế phân bổ nguồn lực để tạo ra sản lượng; (iii) Tiếp cận thực tiễn khi chủ đề này đang là vấn đề có tính cấp bách cho phát triển ngành kinh tế trong quá trình CNH, HĐH nhất trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

Dữ liệu nghiên cứu: Dữ liệu thứ cấp được sử dụng bao gồm số liệu của Niên giám thống kê các thành phố trực thuộc trung ương, Vùng Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung; Báo cáo kinh tế xã hội, Báo cáo phát triển các ngành dịch vụ của thành phố Đà Nẵng; Riêng của Đà Nẵng sử dụng số liệu từ năm 2010 tới 2020.

Phương pháp phân tích: Nghiên cứu sử dụng kết hợp nhiều phương pháp khác nhau như phân tích thống kê, so sánh, diễn dịch và tổng hợp. Trong đó, thống kê cung cấp những bằng chứng số liệu phản ánh cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu dưới ảnh hưởng của khoa học, công nghệ cao và đổi mới sáng tạo. Phương pháp so sánh cho phép xem xét theo thời gian và theo các cấu phần của cơ cấu kinh tế để đánh giá những thay đổi cơ cấu kinh tế trong điều kiện khoa học, công nghệ cao và đổi mới sáng tạo.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Đà Nẵng là nền kinh tế đô thị với dịch vụ là trụ cột chính

Từ một thành phố trực thuộc tỉnh, nhờ cơ chế chính sách phát triển, sau 25 năm Đà Nẵng có phúc lợi con người của người dân ở đây thuộc nhóm tốt nhất Việt Nam, trở thành một đô thị phát triển với trụ cột kinh tế chủ chốt là dịch vụ. Quy mô GRDP của thành phố đã tăng nhanh, đạt 69.055 tỷ đồng năm 2019, chiếm 1,8% GDP của Việt Nam, tỷ lệ tăng trưởng kinh tế trung bình là 9,6% năm giai đoạn 2000-2019, cao hơn mức tăng trưởng của cả nước là khoảng 6,8 %. Quy mô GRDP tăng gấp 5,76 lần sau 20 năm. GRDP/ng của thành phố đạt gần 99 triệu đồng, xếp thứ 4 trong 5 thành phố trực thuộc Trung ương. Đà Nẵng có

tỷ lệ đô thị hóa nhanh, hiện là 87%, cao nhất 5 thành phố trung ương và cả nước, tỷ lệ nông nghiệp trong GRDP chỉ còn 2,4% (của thành phố Hồ Chí Minh là 0,7% và Hà Nội là 2,2%). Đến 2020 diện tích đô thị là 24.656 ha, tăng gấp hơn 4 lần so với 1997. Hệ thống hạ tầng được nâng cấp và phát triển khá đồng bộ.

Khu vực dịch vụ có quy mô mở rộng không ngừng dưới ảnh hưởng từ tỷ lệ tăng trưởng cao, trở thành động lực tăng trưởng kinh tế của Đà Nẵng, tuy nhiên mức độ lan tỏa tới các khu vực kinh tế khác khá hạn chế, tiềm năng của một số lĩnh vực dịch vụ chưa được phát huy. Giá trị gia tăng (VA) của ngành dịch vụ chiếm 74% giá trị gia tăng của nền kinh tế, tạo ra hơn 66,4% tổng việc làm trong nền kinh tế. Hơn 20 năm qua, tỷ lệ tăng trưởng giá trị gia tăng khu vực dịch vụ đạt bình quân 11,51%/năm, giai đoạn 2016 - 2019 có tốc độ tăng trưởng bình quân bứt phá - 15,5%/năm, giai đoạn 2001 - 2005 và 2011 - 2015 có tốc độ tăng trưởng ở mức thấp hơn, lần lượt là 9,9%/năm và 15,21%/năm. Ngành này cũng có chi phí trung gian khá cao, tỷ lệ giá trị gia tăng/giá trị sản xuất khá cao so chung nền kinh tế, hiện đạt tới gần 77%. Tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong nội bộ ngành dịch vụ trong hơn 20 năm qua thuộc về Hoạt động chuyên môn, với Khoa học và Công nghệ là 20,1%; Hoạt động hành chính; Dịch vụ hỗ trợ là 14,6%; Nghệ thuật vui chơi, giải trí với 11,8%; Hoạt động kinh doanh bất động sản là 12,1%; Thông tin và truyền thông là 11,0%. Các ngành có tốc độ tăng 6- 7% là dịch vụ lưu trú - ăn uống, Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm, Giáo dục, Đào tạo, Y tế và các hoạt động cứu trợ xã hội.

3.2. Thực tiễn cơ cấu lại ngành dịch vụ dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của Đà Nẵng

3.2.1. Cơ cấu lại các điều kiện để thực hiện

Cơ cấu lại các điều kiện để thực hiện: (i) Cơ cấu lại định hướng chính sách phát triển các ngành nhất là dịch vụ. Đà Nẵng đã đề xuất và kiến nghị để Bộ chính trị ban hành Nghị quyết 33 (năm 2003) về phát triển triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước và Nghị quyết 43-NQ/TW về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (ii) Xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế xã hội thành phố, quy hoạch phát triển các ngành dịch vụ...phân bổ không gian hợp lý phát triển dịch vụ; (iii) Cơ cấu lại nguồn lực phát triển dịch vụ - lượng đầu tư cho dịch vụ tăng lên 45%; Lao động tăng lên 71%; (iv) Cơ cấu lại hạ tầng phát triển dịch vụ nhất là du lịch, thương mại, công nghệ thông tin giáo dục y tế, logistic...; (v) Cơ cấu lại doanh nghiệp, tỷ trọng DN dịch vụ tăng lên 71% tổng số DN, du lịch hiện có 1.400 doanh nghiệp, công nghệ thông tin - 2.000, khoa học công nghệ - 1.200. Trong lĩnh vực du lịch tất cả các thương hiệu lớn nhất thế giới về quản lý khách sạn và khu nghỉ đều có mặt và hoạt động tại Đà Nẵng.

3.2.2. Cơ cấu lại các ngành dịch vụ chủ yếu

a. Cơ cấu lại ngành du lịch

- Tiến trình cơ cấu lại bên trong ngành du lịch

Thứ nhất, tỷ trọng doanh thu du lịch trực tiếp tăng dần, hiện chiếm khoảng 47% tổng doanh thu du lịch, tỷ trọng doanh thu gián tiếp giảm nhưng vẫn chiếm hơn 50%;

Thứ hai, cơ cấu lại thị trường du khách theo hướng đa

dạng và tập trung vào nhóm du khách có mức chi tiêu cao và ổn định, tỷ lệ du khách quốc tế tăng ấn tượng những năm qua, năm 2011 trong tổng 2,37 triệu du khách tới Đà Nẵng chỉ có khoảng 22% du khách quốc tế; Năm 2019 có 8,7 triệu du khách với 3,52 triệu du khách quốc tế, chiếm 40,5%. Trong tổng du khách quốc tế, tỷ trọng thị trường Hàn Quốc năm 2013 là 7,5%, năm 2019 là 50,5%, tiếp sau là Trung Quốc, 20,3%, Thái Lan với 7,1%, Nhật Bản là 5,3% và Mỹ là 2,8%;

Thứ ba, cơ cấu lại cơ sở lưu trú theo hướng tăng chất lượng cao và được quản lý bởi các thương hiệu du lịch quốc tế lớn: Số lượng cơ sở lưu trú du lịch tăng trưởng nhanh, đặc biệt tập trung phân khúc cao cấp. Năm 2020, toàn thành phố có 838 cơ sở lưu trú với 39,366 phòng, trong đó tỷ trọng số phòng của các cơ sở đạt chuẩn 4,5 sao chiếm đến 42,81%;

Thứ tư, cơ cấu lại sản phẩm du lịch theo hướng tăng cao cấp và thân thiện môi trường, tập trung vào 5 nhóm sản phẩm du lịch sau: Nghỉ dưỡng biển cao cấp; Du lịch văn hóa lịch sử gắn với cửa ngõ 3 di sản; Du lịch MICE; Du lịch đô thị; Du lịch sinh thái rừng, núi, du lịch nông nghiệp...;

Thứ năm, Cơ cấu lao động du lịch tập trung vào nâng cao chất lượng lao động; 75,4% nguồn nhân lực đã qua đào tạo dưới nhiều hình thức, 46,3% có chứng chỉ về ngoại ngữ, trong đó cao nhất là lao động trong các nhà hàng, khu điểm du lịch trên địa bàn thành phố.

- Cơ cấu lại du lịch dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Thứ nhất, các cơ quan nhà nước nỗ lực; (i) Tập trung phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông phục vụ du lịch, phủ sóng wifi toàn thành phố, đặc biệt là ở những khu vực tập trung nhiều du khách như bên bờ sông Hàn, bờ biển, trung tâm thành phố, sân bay, ga tàu, các khu vực công cộng; (ii) Áp dụng vào xúc tiến, quảng bá du lịch, gia tăng sự trải nghiệm của du khách: đã phát triển Cổng thông tin du lịch Đà Nẵng bằng 5 ngôn ngữ (Việt Nam, Anh, Nhật, Hàn và Trung) có đầy đủ tiện ích; phát triển các hoạt động truyền thông trên trang mạng xã hội Facebook, Instagram, Youtube, Twitter, Tiktok và đang nghiên cứu trang dành riêng cho từng thị trường Weibo (Trung Quốc) và Naver (Hàn Quốc). Đặc biệt, cùng với Singapore, Đà Nẵng là thành phố thứ hai tại Đông Nam Á (và là thành phố đầu tiên của Việt nam) phát triển kênh tra cứu thông tin du lịch tự động-ứng dụng chatbot- có tên Danang Fantasticity; (iii) Tập trung ứng dụng trong quản lý du lịch, tăng sự tương tác giữa doanh nghiệp du lịch với cơ quan quản lý Nhà nước.

Thứ hai, các doanh nghiệp đi đầu áp dụng công nghệ mới, công nghệ số trong hoạt động kinh doanh; (i) Ứng dụng mở rộng trong hoạt động truyền thông, bán hàng trực tuyến; (ii) Tạo ra và gia tăng sự trải nghiệm công nghệ cho du khách; (ii) Ứng dụng trong quản lý doanh nghiệp.

Thứ ba, ứng dụng công nghệ hiện đại, công nghệ số, tạo ra sản phẩm mới; (i) Du khách sử dụng ứng dụng công nghệ nhiều hơn trong quá trình chuẩn bị chuyến đi và trong thời gian trải nghiệm du lịch tại Đà Nẵng; (ii) Cảm nhận của khách hàng về mức độ hữu ích của các công cụ ứng dụng công nghệ hỗ trợ cho quá trình chuẩn bị chuyến đi và trải nghiệm chuyến đi của du khách.

b. Cơ cấu lại ngành thông tin truyền thông

- Tiến trình cơ cấu lại bên trong ngành thông tin truyền thông

Thứ nhất, giai đoạn 2016-2020 theo cơ cấu sản lượng và đầu vào của ngành đã thay đổi rõ nét, tỷ trọng ngành công nghệ thông tin (CNTT) đã chiếm 19,24% trong sản lượng khu vực dịch vụ thành phố (từ 11,5% năm 2016) và chiếm gần 90% trong giá trị ngành thông tin truyền thông;

Thứ hai, cơ cấu thị trường xuất khẩu cũng thay đổi tập trung vào các thị trường lớn các nước phát triển nhiều hơn. Thị trường Nhật Bản và Mỹ chiếm tỷ trọng xuất khẩu cao nhất (36% mỗi khu vực thị trường) của doanh nghiệp phần mềm; các thị trường EU (chiếm 16%), Trung Quốc, Singapore, Đài Loan (chiếm 12%) cũng đang được mở rộng;

Thứ ba, cơ cấu sản phẩm của ngành dịch vụ này, các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, công nghệ số tăng nhanh như sản phẩm phần mềm (sản xuất, gia công), thiết kế vi mạch, phần mềm nhúng, tích hợp, tự động hóa, kiểm thử phần mềm, thiết kế game, Chính phủ điện tử ...;

Thứ tư, các doanh nghiệp trong ngành dịch vụ thông tin truyền thông tăng nhanh và chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng doanh nghiệp. Số lượng doanh nghiệp CNTT trên địa bàn Đà Nẵng khoảng 2.000 doanh nghiệp (nếu tính cả ngành nghề phụ là 7.000 doanh nghiệp, chiếm tỷ lệ 20% tổng số doanh nghiệp Đà Nẵng); Tăng trưởng trung bình 35%/năm vào cuối năm 2020.

- Cơ cấu lại ngành thông tin truyền thông dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Thứ nhất, xây dựng và phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông để cung cấp dịch vụ công cho chính quyền thành phố;

Thứ hai, xây dựng hạ tầng dữ liệu phục vụ chính quyền và người dân: Hoàn thành xây dựng các cơ sở dữ liệu (CSDL) nền tảng như CSDL công dân (hơn 1,3 triệu dữ liệu (so với dân số thành phố gần 1,3 triệu); CSDL của 100% doanh nghiệp; CSDL nhân hộ khẩu cho 96% dân số và 96% nhân khẩu; Công khai các thông tin đất đai tại Cổng thông tin đất đai thành phố Đà Nẵng; ... Các cơ sở dữ liệu này đều được kết nối và chia sẻ dùng chung qua Hệ thống eGov;

Thứ ba, tạo dựng nền tảng số. Từ năm 2014, Đà Nẵng đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nền tảng chính quyền điện tử (Da Nang eGov Platform) như trực tích hợp dữ liệu nội bộ (ESB: Enterprise Service Bus) tạo điều kiện sử dụng chung cơ sở dữ liệu đã có. Từ năm 2019 dần đưa vào sử dụng Trực tích hợp chia sẻ dữ liệu thành phố (LGSP) với chất lượng theo đúng tiêu chuẩn của Bộ Thông tin và Truyền thông bảo đảm có thể: (i) Chia sẻ dữ liệu giữa các ứng dụng chuyên ngành tại Đà Nẵng; (ii) Kết nối với NGSP của quốc gia để đồng bộ dữ liệu từ các cơ quan Trung ương;

Thứ tư, ứng dụng và dịch vụ Chính quyền điện tử. Từ 2014, Đà Nẵng đã triển khai và sử dụng rộng các ứng dụng và dịch vụ liên quan tới chính quyền điện tử như Hệ thống thông tin chính quyền điện tử và các ứng dụng mà được sử dụng chung cho các sở ban ngành của thành phố. Từ năm 2019, thành phố triển khai và sử dụng rộng rãi nền tảng số cho các hoạt động quản lý và phục vụ doanh nghiệp và người dân như Cổng dịch vụ công trực tuyến tập trung toàn

thành phố; Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng thanh toán trực tuyến quốc gia PayGov; Công thông tin tra cứu đất đai; Ứng dụng Góp ý cho chính quyền;

Thứ năm, ứng dụng vào dịch vụ thành phố thông minh. Thành phố đã ban hành kiến trúc tổng thể thành phố thông minh với 6 trụ cột và 16 lĩnh vực thông minh, mở rộng mức độ sẵn sàng hạ tầng, nền tảng và dữ liệu thông minh; Đẩy nhanh thực hiện thông minh hóa các ứng dụng đã được sử dụng; Thông minh hóa ứng dụng cộng đồng và hoàn thành xây dựng đô thị thông minh kết nối đồng bộ với các mạng lưới đô thị thông minh trong nước và khu vực ASEAN.

c. Cơ cấu lại ngành tài chính ngân hàng (TCNH)

- Tiến trình cơ cấu lại bên trong ngành TCNH

Thứ nhất, cơ cấu sản phẩm dịch vụ TCNH chuyển dần ứng dụng công nghệ số ngày càng nhiều: Giai đoạn 2011 - 2020 các dịch vụ tài chính hiện đại như thanh toán thẻ chip, ngân hàng điện tử, thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại, giải pháp thanh toán... dần trở nên đa dạng và thông dụng đối với các đối tượng doanh nghiệp, cá nhân ở cả khu vực nhà nước và tư nhân của thành phố bên bờ sông Hàn này. Các dịch vụ hỗ trợ ngành tài chính như kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính và tư vấn luật cũng phát triển; Hoạt động thanh toán dịch vụ công qua ngân hàng đạt được nhiều kết quả khả quan giao dịch nộp thuế qua ngân hàng đạt 98%; Nộp tiền điện qua ngân hàng đạt 100%; tiền nước 99%; 90% trường học và 100% cơ sở y tế triển khai thu học phí và viện phí qua ngân hàng;

Thứ hai, cơ cấu thị trường tuy có thay đổi nhưng chưa cân đối, phụ thuộc nhiều vào hệ thống các ngân hàng với gánh nặng là nguồn cung ứng vốn chính cho nền kinh tế. Việc phát hành tín phiếu doanh nghiệp, các chứng chỉ tiền gửi vẫn phụ thuộc nhiều vào các ngân hàng thương mại, chưa hình thành hệ thống các quỹ hưu trí tự nguyện, quỹ phòng hộ, quỹ tín thác...;

Thứ ba, cơ cấu doanh nghiệp thay đổi từ quy mô nhỏ sang quy mô lớn để tăng khả năng ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số còn chậm;

Thứ tư, cơ cấu lao động ngành TCNH thay đổi dịch chuyển trong nội ngành nhưng tỷ trọng nhân lực cơ trình độ chuyên môn cao ngày càng tăng. Tại các doanh nghiệp nhân lực có kỹ năng chuyên môn (tài chính, ngân hàng) chiếm trên 90% (ngoài ra còn có các chuyên ngành khác như quản trị kinh doanh, kinh tế đầu tư, kế toán...), nhưng thiếu các kỹ năng về công nghệ thông tin và ngoại ngữ.

- Cơ cấu lại bên trong ngành TCNH dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Chủ yếu tập trung thay cách thức truyền thống bằng công nghệ cao công nghệ số - giao dịch thanh toán dựa vào fintech với nhiều sản phẩm mới. Hiện nay, có 51 tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ thanh toán qua Internet (với giá trị giao dịch 140.088 tỷ đồng), 47 tổ chức triển khai cung ứng dịch vụ thanh toán qua Mobile Banking (với giá trị 222.534 tỷ đồng) và 31 tổ chức cung cấp dịch vụ QR Code trên địa bàn Đà Nẵng. Các đơn vị trong ngành tài chính ngân hàng đã tiếp tục được đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng và công nghệ phục vụ thanh toán không dùng tiền mặt, hiện có 552 ATM (tăng 1,6 lần so với năm 2011), 7.636 POS (tăng 5,7 lần so với năm 2011) và được triển khai hoạt động

phục vụ tại hầu hết các cơ sở, chuỗi phân phối, bán lẻ, khách sạn lớn, đang mở rộng đến các đơn vị cung cấp dịch vụ công (cơ sở y tế, bệnh viện, trường học,...)

d. Cơ cấu lại ngành logistics

- Tiến trình cơ cấu lại ngành logistics

Thứ nhất, cơ cấu ngành dịch vụ đã có sự thay đổi nâng cao năng suất chất lượng và hiệu quả nhờ đầu tư công nghệ hiện đại nhưng vẫn chậm và chưa theo kịp đà tiến bộ công nghệ; Dịch vụ vận tải đường bộ luôn giữ vai trò chủ lực với doanh thu chiếm gần 40% tổng doanh thu của ngành. Dịch vụ hàng không cũng chiếm một tỷ lệ đáng kể, khoảng 21-25%, như động lực thúc đẩy phát triển du lịch Đà Nẵng.

Thứ hai, lượng hàng hóa thông qua cảng biển theo hướng ứng dụng công nghệ cao và số ngày càng rõ nét; Sản lượng hàng hóa thông qua các cảng thuộc cảng vụ Đà Nẵng giai đoạn 2010-2019 (không bao gồm hàng quá cảnh) tăng trưởng bình quân 8,5%/năm từ 4,95 triệu tấn năm 2010 lên 10,33 triệu tấn năm 2019. Tỷ trọng hàng container đã gia tăng nhanh chóng từ 21% năm 2010 tăng lên 50% năm 2019.

Thứ ba, ngành hàng không thay đổi theo hướng nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế bằng ứng dụng công nghệ hiện đại. Số lượng hành khách quốc tế đã có sự tăng trưởng đột phá trong giai đoạn 2015-2019. Năm 2019, số lượng hành khách quốc tế đã đạt 7,131 triệu hành khách, chiếm 46% trong tổng sản lượng. Giai đoạn 2010-2019, hệ số tăng trưởng hành khách quốc tế là 75,2% hàng năm.

- Cơ cấu lại bên trong ngành logistics dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Thứ nhất, chuyển đổi số trong dịch vụ ngành logistics rất mạnh, cả cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp đều chuyển nhanh quá trình này;

Thứ hai, tự động hóa trong vận hành, khai thác, quản lý dịch vụ logistics: Trong công tác soi chiếu an ninh tại các cảng hàng không sân bay, người ta sử dụng những máy soi chiếu công suất lớn, cho phép soi chiếu toàn bộ lô hàng, đồng thời kết nối hệ thống màn hình kiểm soát an ninh và hệ thống thông tin hàng hóa, cho phép kiểm tra đối chiếu mà không cần thực hiện trực tiếp bởi con người. Các giải pháp tự động hóa các kho hàng thương mại điện tử - chuyển phát nhanh, giao hàng chặng cuối được coi trọng và phát triển. Công ty dịch vụ bưu chính Đà Nẵng hay Viettel ... từng bước thực hiện xu hướng này. Với những ứng dụng về tự động hóa và robot trong vận hành, các doanh nghiệp logistics đang ngày càng tối ưu hóa quá trình hoạt động;

Thứ ba, ứng dụng công nghệ thông minh, sử dụng năng lượng mặt trời trong xây dựng hệ thống logistics xanh.

4. Kết luận và các hàm ý chính sách

4.1. Kết luận

Thực tiễn cơ cấu lại ngành dịch vụ thành phố Đà Nẵng trên cơ sở công nghệ hiện đại, công nghệ số và đổi mới sáng tạo có thể rút ra:

Thứ nhất, quá trình cơ cấu lại ngành dịch vụ của thành phố đã tận dụng và vận dụng công nghệ hiện đại, công nghệ số và đổi mới sáng tạo để tạo ra cơ cấu các ngành dịch vụ

hiện đại, công nghệ cao, sáng tạo và bền vững, nền tảng phát triển lĩnh vực dịch vụ của thành phố có chiều sâu và hiệu quả.

Thứ hai, Cơ cấu lại các ngành dịch vụ trên cơ sở công nghệ hiện đại, công nghệ số và đổi mới sáng tạo đã thay đổi cách thức huy động phân bổ các nguồn lực khu vực dịch vụ nói riêng và nền kinh tế nói chung, tạo ra năng lực sản xuất có chiều sâu và hiệu quả hơn.

Thứ ba, cơ cấu lại các ngành dịch vụ đã tạo ra nền tảng và động lực cho sự phát triển kinh tế nhất là chuyển đổi số nền kinh tế thành phố;

Thứ tư, cơ cấu lại các ngành dịch vụ đã tạo sự khác biệt cấu trúc, năng lực của khu vực dịch vụ với các địa phương trong vùng KTTĐMT, tạo vị thế để liên kết vùng;

Thứ năm, cơ cấu lại các ngành dịch vụ đã tạo thúc đẩy quá trình phân công lao động và phát triển nguồn nhân lực của thành phố.

4.2. Các hàm ý chính sách

4.2.1. Về cơ cấu lại ngành du lịch

Cơ cấu lại nhằm đưa du lịch trở thành ngành mũi nhọn trong nền kinh tế, tập trung phát triển sản phẩm và dịch vụ du lịch chất lượng cao. Du lịch được phát triển theo chiều sâu, chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả, có trọng điểm nhằm tạo ra sự phát triển bền vững. Tất cả để thực hiện định hướng phát triển du lịch của thành phố “Đến năm 2030, Đà Nẵng trở thành trung tâm du lịch và dịch vụ chất lượng cao, điểm đến sáng tạo của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á. Đến năm 2050, Đà Nẵng trở thành Điểm đến du lịch hàng đầu Châu Á, là một trong những Trung tâm du lịch nghỉ dưỡng biển, sinh thái cao cấp, sáng tạo và tổ chức hội nghị, sự kiện lễ hội mang tầm quốc tế” [7].

- Tập trung phát triển 3 nhóm sản phẩm: Sản phẩm đặc trưng, sản phẩm chính và sản phẩm bổ trợ trên cơ sở tài nguyên, tiềm năng, vị trí địa hình và lợi thế của Đà Nẵng. Kết hợp du lịch với tư duy *sáng tạo đột phá, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số*. Kết hợp du lịch với tư duy *sáng tạo đột phá, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số*. Tạo dựng hạ tầng và các sản phẩm đa dạng, xanh trên cơ sở kết hợp giữa thiên nhiên, sinh thái và văn hóa lịch sử truyền thống. Chúng sẽ bảo đảm cho du lịch thành phố có sức cạnh tranh cao, sự khác biệt rõ ràng với sản phẩm cùng loại trong Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung nhằm thu hút du khách và có thể khai thác liên mùa, khắc phục hạn chế không thuận lợi của thời tiết. Đặc biệt các nhóm sản phẩm ưu tiên trong định hướng phát triển du lịch Đà Nẵng “Du lịch biển và nghỉ dưỡng cao cấp - gắn với bất động sản nghỉ dưỡng; du lịch đô thị gắn với mua sắm, vui chơi giải trí và du lịch M.I.C.E, golf, sự kiện, lễ hội mang tầm quốc tế; du lịch văn hoá, lịch sử; du lịch sinh thái; Du lịch ban đêm, du lịch đường thủy, du lịch ẩm thực, du lịch cộng đồng và du lịch nông nghiệp nông thôn; Du lịch y tế, chăm sóc sức khỏe; du lịch cưới; du lịch giáo dục” [7].

- Về chất lượng sản phẩm: bảo đảm tất cả các sản phẩm và dịch vụ du lịch trên địa bàn phải đạt chuẩn chất lượng cao. Trong đó, trọng tâm hình thành và phát triển các sản phẩm đạt chuẩn cao cấp và siêu cao cấp của thế giới nhằm thu hút du khách chất lượng cao.

4.2.2. Về cơ cấu lại Ngành thông tin truyền thông

Định hướng cơ cấu lại ngành thông tin truyền thông chia thành 2 giai đoạn: Thứ nhất, đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số để có thể hoàn thành cơ bản, cơ sở thực hiện trở thành thành phố thông minh vào cuối năm 2030; Xếp vào nhóm 03 tỉnh thành hàng đầu Việt Nam thực hiện thành công chuyển đổi số và an toàn thông tin, thương mại điện tử. Giai đoạn 2021-2030, đạt tỷ lệ tăng trưởng hàng năm là 10%/năm, tỷ lệ đóng góp vào GRDP Đà Nẵng khoảng gần 15%. Thứ hai, mở rộng và đẩy mạnh ứng dụng thông tin vào tất cả các ngành và lĩnh vực của nền kinh tế và trở thành yếu tố quan trọng nhất thúc đẩy sự phát triển của thành phố. Tiếp tục nâng cao hơn nữa sức cạnh tranh của các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ gia công, sản xuất phần mềm và nội dung số, đủ khả năng phát triển, sản xuất các sản phẩm và dịch vụ đáp ứng tốt nhu cầu trong nước và quốc tế về công nghệ thông tin và truyền thông, tạo nền tảng để phát triển kinh tế và gia tăng khả năng chống chịu trước các rủi ro an ninh phi truyền thống và tạo điều kiện, động lực thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo.

- Phát triển ngành công nghệ số làm nền tảng phát triển Đà Nẵng dựa vào: (i) Lấy cơ sở thị trường trong nước để vươn ra thị trường toàn cầu để tập trung thiết kế, tích hợp, làm chủ công nghệ, sáng tạo công nghệ; (ii) Đẩy mạnh thu hút FDI có chọn lọc và trao đổi công nghệ với các đối tác quốc tế, đưa các nhà sản xuất phần mềm và công nghệ tham gia sâu vào chuỗi giá trị sản xuất thế giới; (iii) Hình thành và phát triển ngành công nghiệp số thành phố dựa trên công nghệ số và công nghệ mở, mã nguồn mở.

- Về phát triển chính quyền số: Các dịch vụ sự nghiệp công trực tuyến được cung cấp mức độ 3, 4 ít nhất 90%; Các thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước được cắt giảm ít nhất 30% nhờ kế thừa dữ liệu số; Tất cả người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ hành chính công qua “một cửa bất kỳ”.

Phát triển kinh tế số: Giá trị gia tăng từ kinh tế số đạt ít nhất 30% trong GRDP thành phố. Trong đó, giá trị gia tăng công nghiệp ICT đạt ít nhất 15% GRDP; Tỷ trọng giá trị gia tăng của kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt ít nhất 20%; Năng suất lao động trong kinh tế số tăng ít nhất 8% mỗi năm. Xây dựng và công bố 5.000 bộ dữ liệu mở để cho tổ chức công dân, doanh nghiệp có thể truy cập khai thác. Trong đó, tối thiểu có 500 bộ dữ liệu được sử dụng tạo ra sản phẩm mới; Phần đầu đạt 05 doanh nghiệp số/1.000 dân; Cung cấp tối thiểu 115.000 lao động chất lượng cao. Số doanh nghiệp sử dụng số liệu số và công nghệ số trong quản lý đạt tối thiểu 90% trong sản xuất là 70%; Dân số tham gia các hoạt động mua sắm trực tuyến đạt ít nhất 80%

4.2.3. Về cơ cấu lại Ngành tài chính ngân hàng

- Phát triển tài chính - ngân hàng theo hướng năng động, cạnh tranh và bền vững, từng bước xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành trung tâm tài chính quy mô khu vực, trong giai đoạn 2021-2030 tỷ lệ tăng trưởng GRDP lĩnh vực tài chính, ngân hàng đạt bình quân 8%-8,5/năm.

- Khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính cơ bản của người dân và doanh nghiệp được cải thiện và nâng cao đặc biệt là các dịch vụ chất lượng cao; Phần đầu hoàn thành các

chỉ tiêu như đến cuối năm 2030, có ít nhất 20 chi nhánh ngân hàng thương mại, 100 máy ATM và 1.500 máy POS trên 100.000 người trưởng thành. Một số phương tiện và hình thức thanh toán mới, hiện đại được tập trung phát triển; Mở rộng việc thanh toán không dùng tiền mặt để đến năm 2030 chỉ còn dưới 30% tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán.

- Vị thế của thành phố Đà Nẵng trong các diễn đàn tài chính - ngân hàng từng bước được nâng cao, các nhân tố thúc đẩy phát triển hệ thống tài chính trong giai đoạn 2021 – 2030 được thiết lập. Trước năm 2050, Đà Nẵng trở thành trung tâm tài chính quốc tế và tham gia mạng lưới các trung tâm tài chính khu vực.

- Quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng được đẩy nhanh, dựa trên nền tảng công nghệ tự động hóa, kết nối đa chiều và thông minh hóa của công nghệ hiện đại để phát triển các dịch vụ tài chính. Đến cuối năm 2030, cứ 1.000 dân có 3 doanh nghiệp công nghệ tài chính. Xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực tài chính của quốc gia và khu vực.

4.2.4. Về cơ cấu lại ngành logistics

- Cơ cấu lại ngành dịch vụ logistics để Đà Nẵng trở thành trung tâm logistics của Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung và khu vực vào năm 2030. Thiết lập chuỗi cung ứng dịch vụ logistics tại miền Trung Việt Nam với Đà Nẵng là trung tâm logistics mũi nhọn cốt lõi. Trong đó, các dịch vụ logistics gắn với cảng biển (đặc biệt là dự án đầu tư Cảng Liên Chiểu), cảng hàng không... là cửa ngõ giao nhận, vận chuyển với các địa phương, với các quốc gia trong khu vực ASEAN và quốc tế.

- Các trung tâm logistics cấp I quốc gia, cấp II của vùng và các trung tâm logistics chuyên dụng được xây dựng nhằm bảo đảm cung cấp các dịch vụ logistics và trung chuyển hàng hóa, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và đời sống trong nước, xuất nhập khẩu của thành phố và các tỉnh khu vực miền Trung, Tây Nguyên; Có khả năng cung cấp dịch

vụ logistics cạnh tranh cho luồng hàng hóa quốc tế trung chuyển trên hành lang kinh tế Đông - Tây qua Đà Nẵng.

- Các dịch vụ hỗ trợ vận tải, vận tải đa phương thức được chú trọng phát triển đồng bộ, đặc biệt nâng cao chất lượng dịch vụ logistics, chi phí ngang bằng với mức của tp. Hồ Chí Minh, an toàn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng; Tăng sức cạnh tranh để chủ động hội nhập và mở rộng thị trường vận tải biển trong khu vực và thế giới.

- Hoàn thành xây dựng hệ thống logistics của thành phố hiện đại có cấu trúc rõ ràng, cơ sở hoàn chỉnh và chức năng hoàn thiện, hoàn thành phân phối tài nguyên hợp lý. Trong 3 trung tâm cảng biển quốc tế ở miền Trung - Tây Nguyên có Đà Nẵng và thành phố trở thành một mắt xích quan trọng trong các tuyến vận tải đường biển quốc tế tại Việt Nam.

- Các trung tâm logistics của thành phố được phát triển dựa trên sự huy động các nguồn lực của xã hội như nguồn lực từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Bảo đảm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư xây dựng và khai thác các trung tâm logistics.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Engel, E., *Die Productions - und Consumptionsverhältnisse des Königreichs Sachsen*. Reprinted in Engel's *Die Lebenskosten belgischer Arbeiterfamilien*. Dresden, 1895.
- [2] Fisher, R.A., *Statistical Tests*, Nature, 136, 1935, 474.
- [3] Vũ Tuấn Anh, Một số vấn đề lý luận về cơ cấu nền kinh tế quốc dân, *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, 2, 1982, 11-15.
- [4] Bùi Quang Bình, “Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phục hồi tăng trưởng kinh tế Việt Nam”, *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, 233, 2010, 9-11.
- [5] Nguyễn Thị Tuệ Anh, “Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020: Tiếp cận từ lý thuyết đến thực tiễn”, *Viện Quản lý Kinh tế Trung ương*, 2017.
- [6] Mankiw, N. G., *Macroeconomics*, Ninth Second edition, Harvard Universiti, Worth Publishers, 2013.
- [7] UBND thành phố Đà Nẵng, Đề án định hướng Phát triển Du lịch thành phố Đà Nẵng đến năm 2030 và tầm nhìn tới 2045, Quyết định số 2726/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2022.